

Bản án số: 461/2021/HNGĐ-ST

Ngày 16 - 6 - 2021

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Huy Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Long

2. Ông Dương Hiệp Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Trần Thị Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn.

- Đại diện VKSND Tp. Quy Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Trần An Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn - tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 150/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/5/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Võ Thị Thanh X**, sinh năm: 1971

- Bị đơn: Anh **Lê Thanh C**, sinh năm: 1963

Cùng địa chỉ: 43 đường X, phường B, thành phố QN, tỉnh BD.

(Các đương sự có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/02/2021 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Võ Thị Thanh X trình bày:**

Chị và anh Lê Thanh C tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố QN, tỉnh BD vào ngày 17/7/1992. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C có hành vi bạo hành, vũ phu với vợ, con. Chị đã chịu đựng nhiều năm khi sống với anh C. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh C. Về con chung, quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Lê Thanh H1, sinh năm 1994; Lê Thanh H2, sinh năm 1998. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, tự lập được nên không

yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung, vợ chồng thỏa thuận tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Lê Thanh C trình bày :**

Anh công nhận về thời gian, điều kiện kết hôn như chị X đã trình bày là đúng. Tuy nhiên, về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, anh không đồng ý. Trong quá trình chung sống, đôi lúc vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị X hỗn nên anh có la, đánh chị. Đồng thời, anh thường xuyên đi làm xa, mỗi khi về nhà chị X thường khó chịu vì vậy tình cảm vợ chồng phai nhạt, anh chị đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh không đồng ý ly hôn vì không muốn ảnh hưởng đến danh dự của các con sau này. Về con chung, anh thống nhất vợ chồng có 02 con chung như chị X đã trình bày. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, đã tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung, anh chị tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của BLTTDS kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, Điều 72 BLTTDS. Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56 Luật HNGĐ 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Thanh X đối với anh Lê Thanh C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nội dung tranh chấp:

[1.1] Về hôn nhân: Chị Võ Thị Thanh X và anh Lê Thanh C tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố QN, tỉnh BD vào ngày 17/7/1992, đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa chị X và anh C đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2015 cho đến nay. Mặc dù, anh C không đồng ý ly hôn nhưng vẫn không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. HĐXX xét: Hôn nhân của chị X và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của chị X là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[1.2] Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung là cháu Lê Thanh H1, sinh năm 1994; Lê Thanh H2, sinh năm 1998. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, tự lập được nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[1.3] Về chia tài sản: Chị X và anh C không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết. Sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác nếu có yêu cầu.

[2] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; chị X phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ sơ thẩm.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Võ Thị Thanh X ly hôn anh Lê Thanh C.
2. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Lê Thanh H1, sinh năm 1994; Lê Thanh H2, sinh năm 1998. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, tự lập được nên nên HĐXX không xem xét giải quyết.
3. Về chia tài sản: không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.
4. Về án phí sơ thẩm: Chị Võ Thị Thanh X phải chịu 300.000đ án phí, nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003525 ngày 12/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Quy Nhơn. Chị X đã nộp đủ án phí.
5. Về quyền kháng cáo: Chị X, anh C có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. QN;
- UBND phường Đ, TP. QN
(Gcnkh số 53 ngày 17/7/1992);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Huy Huệ

